

Khoa Nội 2 Giường:

## BỆNH ÁN NỘI KHOA

### I. HÀNH CHÍNH:

1. Họ và tên: (In hoa) <b>BẠCH SỸ NHU</b>	Tuổi 68
3.Giới: 1.Nam <input checked="" type="checkbox"/> 2.Nữ <input type="checkbox"/>	2. Sinh ngày: 10/02/1957
5. Dân tộc: Kinh 25	4.Nghề nghiệp: Chưa xác định
7. Địa chỉ: Số nhà Thôn, phố: Xóm Trường Sơn	6. Ngoại kiều: Xã, phường:
Huyện (Q, Tx) Xã Bích Hà 17818	Tỉnh, thành phố: Nghệ An
8. Nơi làm việc:	9. Đối tượng: 1.BHYT <input checked="" type="checkbox"/> 2.Thu phí <input type="checkbox"/> 3.Miễn <input type="checkbox"/> 4.Khác <input type="checkbox"/>
10. BHYT giá trị đến ngày 31 tháng 12 năm 2027	Số thẻ BHYT CB2404017718220 40455
11. Họ tên, địa chỉ người nhà cần báo tin: Cọn: Bach Thị Lê cùng địa chỉ	Điện thoại số: 0859334193

### II. QUẢN LÝ NGƯỜI BỆNH

12. Vào viện: 08 Giờ 10 phút 31/10/2025	14. Nơi giới thiệu: 1.Cơ quan y tế <input type="checkbox"/> 2.Tự đến <input checked="" type="checkbox"/> 3.Khác <input type="checkbox"/> - Vào viện do bệnh này lần thứ
13. Trực tiếp vào: 1.Cấp cứu <input type="checkbox"/> 2.KKB <input checked="" type="checkbox"/> 3.Khoa điều trị <input type="checkbox"/>	17. Chuyển viện 1.Tuyến trên <input type="checkbox"/> 2.Tuyến dưới <input type="checkbox"/> 3.CK <input type="checkbox"/> - Chuyển đến :
Khóa Khoa	ng/ th/ năm Số ngày ĐTr
15. Vào khoa Khoa Nội 2	08 Giờ 15 phút 31/10/2025 11
16. Chuyển Khoa	.....
.....	.....
.....	.....
.....	.....
18. Ra viện: 07 Giờ 30 phút 11/11/2025	19. Tổng số ngày điều trị 11.00
1.Ra viện <input checked="" type="checkbox"/> 2.Xin về <input type="checkbox"/> 3.Bỏ về <input type="checkbox"/> 4.Dưa về <input type="checkbox"/>	

### III. CHẨN ĐOÁN

20. Nơi chuyển đến:	MÃ
21. KKB, Cấp cứu: Viêm da rộp nước do virus Herpes (Zona bội nhiễm)	23. Ra viện: + Bệnh chính: Bệnh do Herpes simplex B00
	+ Bệnh kèm theo: Các bệnh của đỉa đệm đốt sống thắt lưng và các đốt sống khác có kèm theo tổn thương tùy sống (G99.2*); Viêm màng não do virus Herpes G02.0; Bệnh viêm gan khác; Các thể loại đái tháo đường không xác định; Rối loạn M51.0†; B00.3†; K75; E14; E78; K21; I20; I10
22. Khi vào khoa điều trị: Viêm da dạng herpes	- Tai biến: <input type="checkbox"/> - Biến chứng: <input type="checkbox"/>
	L13.0
- Thủ thuật <input type="checkbox"/>	- Phẫu thuật <input type="checkbox"/>

### IV. TÌNH TRẠNG RA VIỆN

24. Kết quả điều trị: 1. Khỏi <input type="checkbox"/> 4. Nặng hơn <input type="checkbox"/> 2. Dỡ, giảm <input checked="" type="checkbox"/> 5. Tử vong <input type="checkbox"/> 3. Không thay đổi <input type="checkbox"/>	26. Tình hình tử vong: 1. Do bệnh <input type="checkbox"/> 2. Do tai biến điều trị <input type="checkbox"/> 3. Khác <input type="checkbox"/> 1. Trong 24 giờ vào viện <input type="checkbox"/> 2. Sau 24 giờ vào viện <input type="checkbox"/>
25. Giải phẫu bệnh (Khi có sinh thiết) 1.Lành tính <input type="checkbox"/> 2.Nghi ngờ <input type="checkbox"/> 3.Ác tính <input type="checkbox"/>	27. Nguyên nhân chính tử vong: .....
28. Khám nghiệm tử thi: <input type="checkbox"/>	29. Chẩn đoán giải phẫu tử thi: <input type="checkbox"/>

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Họ và tên: Nguyễn Xuân Loan

Họ và tên: Nguyễn Thị Thùy Dương

## A. BỆNH ÁN

I. Lý do vào viện: đau nỗi bong nước vùng mặt cổ

Vào ngày thứ 7 của bệnh

## II. Hồi bệnh

1. Quá trình bệnh lý: (Khởi phát, diễn biến, chẩn đoán, điều trị của tuyến dưới v.v...)

Cách vào viện 1 tuần, bệnh nhân ở nhà xuất hiện đau đầu nhiều vùng mặt vùng đầu bên Phải, kèm theo nỗi bong nước da lúu tuổi, da kích thước vùng nửa mặt bên Phải, sốt không rõ nhiệt độ, buồn nôn, nỗi hạch vùng cổ bên Phải. Điều trị ngoại trú, bệnh không cải thiện--> Khám vào viện

## 2. Tiền sử bệnh:

+ Bản thân: (phát triển thê lực từ nhò đến lớn, những bệnh đã mắc, phương pháp ĐTr, tiêm phòng, ăn uống, sinh hoạt v.v...)

Chưa phát hiện bất thường

Đặc điểm liên quan bệnh:

TT	Ký hiệu	Thời gian (tính theo tháng)	TT	Ký hiệu	Thời gian (tính theo tháng)
01	- Dị ứng	<input type="checkbox"/>	04	- Thuốc lá	<input type="checkbox"/>
02	- Ma túy	<input type="checkbox"/>	05	- Thuốc lào	<input type="checkbox"/>
03	- Rượu bia	<input type="checkbox"/>	06	- Khác	<input type="checkbox"/>

+ Gia đình: (Những người trọng gia đình: bệnh đã mắc, đời sống, tinh thần, vật chất v.v...).

Chưa phát hiện bất thường

## III. Khám bệnh:

1. Toàn thân: (Ý thức, da niêm mạc, hệ thống hạch, tuyến giáp, vị trí, kích thước, số lượng, di động v.v...)

Bệnh nhân tinh, tiệp xúc được. Da nỗi bong nước da lúu tuổi, da kích thước vùng nửa mặt bên Phải niêm mạc kém hồng. Không phù không xuất huyết dưới da. Tuyến giáp không to, Hạch vùng góc hàm Phải.

Mạch	80	lần/ph
Nhiệt độ	36.70	°C
Huyết áp	126/ 78	mmHg
Nhip thở	19	lần/ph
Cân nặng	52.00	kg
Chiều cao	150.00	cm
<b>BMI</b>	23.11	

## 2. Các cơ quan:

+ Tuần hoàn: Lồng ngực cân đối. Tim đều, T1, T2 rõ. Không có tiếng tim bệnh lý

+ Hô hấp: Lồng ngực di động theo nhịp thở. Phổi thông khí giảm 2 đáy, rale ẩm, rale nổ 2 đáy

+ Tiêu hóa: . Ợ hơi, ợ chua, nóng rát sau xương ức. Bụng mềm, không chuóng. Phản ứng thành bụng (-) Cảm ứng phúc mạc (-) . Đại tiện bình thường

+ Thận - Tiết niệu - Sinh dục: Chạm thận (-)

Bập bênh thận (-)

+ Thần kinh: Đau đầu vùng mặt trán Phải, buồn nôn, hiện không nôn, cứng gáy(-). Hội chứng màng não (+/-), Không liệt thần kinh khu trú

+ Cơ - Xương - Khớp: Cơ lực bình thường

Không sưng đau các khớp

+ Tai - Mũi - Họng: Chưa phát hiện bất thường

+ Răng - Hàm - Mặt: Chưa phát hiện bất thường

+ Mắt: Chưa phát hiện bất thường

+ Nội tiết, dinh dưỡng và các bệnh lý khác: Chưa phát hiện bất thường

### 3. Các xét nghiệm cận lâm sàng cần làm:

Sinh hóa máu, công thức máu, siêu âm ổ bụng, chụp X-quang tim phổi, điện tim, cận lâm sàng cần thiết khác

### 4. Tóm tắt bệnh án:

Bệnh nhân nam, 68 tuổi, vào viện vì đau, nỗi bọng nước vùng mặt cổ. Tiền sử: Chưa phát hiện bất thường. Cách vào viện 1 tuần, bệnh nhân ở nhà xuất hiện đau đầu nhiều vùng mặt vùng đầu bên Phải, kèm theo nỗi bọng nước đa lứa tuổi, đa kích thước vùng nửa mặt bên Phải, sốt không rõ nhiệt độ, buồn nôn, nỗi hạch vùng cổ bên Phải. Điều trị ngoại trú, bệnh không cải thiện--> Khám vào viện

Qua hỏi bệnh và thăm khám ta thấy các hội chứng, triệu chứng sau:

Hội chứng nhiễm trùng, Da nỗi bọng nước đa lứa tuổi, đa kích thước vùng nửa mặt bên Phải niêm mạc kém hồng. Hội chứng màng não (+/-),

### IV. Chẩn đoán khi vào khoa điều trị:

+ Bệnh chính: Viêm da dạng herpes

+ Bệnh kèm theo (*nếu có*):

+ Phân biệt:

### V. Tiên lượng:

Dè dặt

**VI. Hướng điều trị:** Kháng vius dạng uống, dạng bôi, bù dịch điện giải, kháng sinh giảm viêm, giảm đau

Ngày 31 tháng 10 năm 2025

**Bác sĩ làm bệnh án**

Họ và Tên: Nguyễn Thị Thùy Dương

## B. TỔNG KẾT BỆNH ÁN

### 1. Quá trình bệnh lý và diễn biến lâm sàng:

Bệnh nhân nam, 68 tuổi, vào viện vì đau, nỗi bụng nước vùng mặt cổ. Tiền sử: Chưa phát hiện bất thường. Cách vào viện 1 tuần, bệnh nhân ở nhà xuất hiện đau đầu nhiều vùng mặt vùng đầu bên Phái, kèm theo nỗi bụng nước đa lứa tuổi, da kích thước vùng nửa mặt bên Phái, sốt không rõ nhiệt độ, buồn nôn, nỗi hạch vùng cổ bên Phái. Điều trị ngoại trú, bệnh không cải thiện--> Khám vào viện. Bệnh nhân tinh, tiêp xúc được. Da nỗi bụng nước đa lứa tuổi, da kích thước vùng nửa mặt bên Phái niêm mạc kém hồng. Không phù không xuất huyết dưới da. Tuyến giáp không rõ, hạch ngoại vi không sờ thấy. Mạch: 80 lần/phút. Nhiệt độ: 36.7 độ C. Huyết áp: 126/78mmHg. SpO2: 96%. Lồng ngực cân đối. Tim đều, T1, T2 rõ. Không có tiếng tim bệnh lý. Lồng ngực di động theo nhịp thở. Phổi thông khí giảm 2 đáy, rale âm, rale nổ 2 đáy. Ợ hơi, ợ chua, nóng rát sau xương ức. Bụng mềm, không chướng. Phản ứng thành bụng (-) Cảm ứng phúc mạc (-). Đại tiện bình thường. Đau đầu vùng mặt trán Phái, buồn nôn, hiện không nôn, cứng gáy(-). Hội chứng màng não (+/-), Không liệt thần kinh khu trú.

TRọng quá trình điều trị, bệnh nhân xuất hiện đau mắt, đau cột sống thắt lưng

Sau quá trình điều trị, bệnh nhân ổn định--> ra viện

### 2. Tóm tắt kết quả xét nghiệm cận lâm sàng có giá trị chẩn đoán :

Wbc : 4.9; Rbc : 4.54; Hgb :142; Plt : 122; Neut% : 66.5; Ast : 27.1; Alt : 27.8; Cholesterol Tòan Phân : 5.92; Triglycerid : 1.55; Hdl-C : 1.58; Ldl - C : 2.9; Glucose [Máu]: 7.35; Creatinin (Máu): 54.3; Mức Lọc Cầu Thận (Ckd-Epi 2021): 139.661; Na+: 132.4; K +: 4.2; Cl -: 104.0; Crp (C-Reactive Protein): 34.5

Chụp Cộng Hưởng Từ Sọ Não (0.5-1.5 Tesla): Hình ảnh Vài Ô Nhồi Máu Não Cũ Vùng Đinh Phái.

Thoái Hóa Myelin Chất Trắng Cảnh Não Thát Bên Hai Bên. Teo Não Người Cao Tuổi.

Thiểu Sản Động Mạch Thông Sau Hai Bên Dọ Bẩm Sinh.

Dày Nhẹ Niêm Mạc Xương Hàm, Xương Sàng Hai Bên Theo Dõi Viêm.

Chụp X-Quang Ngực Thẳng [Số Hóa 1 Phim]: - Hình ảnh Tim Hiện Tại Bình Thường, - Phế Huyết Quản Hai Bên Đậm.

Chụp Cộng Hưởng Từ Cột Sống Thắt Lưng - Cùng (0.5-1.5 Tesla): - Xẹp Thân Đốt Sống D12, L1. Gù Cột Sống.

- Phòng Đĩa Đệm L2-3 Hẹp Nhẹ Ông Sóng, Hẹp Nhẹ Lỗ Liên Hợp Ngang Mức Hai Bên Và Chèn Ép Rẽ Ngang Mức Hai Bên.

- Thoát Vị Đĩa Đệm L3-4, L5-S1 Hẹp Lỗ Liên Hợp Ngang Mức Hai Bên Và Chèn Ép Rẽ Ngang Mức Hai Bên.

- Thoái Hóa Các Đĩa Đệm Và Đốt Sống Thắt Lưng.

Siêu Âm Ô Bụng (Gan Mật, Tụy, Lách, Thận, Bàng Quang): Gan Nhiễm Mỡ Độ I ;Polyp Túi Mật ; Nang Thận Trái

### 3. Phương pháp điều trị :

Kháng sinh, giảm viêm, giảm đau thần kinh, kháng virus

### 4. Tình trạng người bệnh ra viện :

Bệnh nhân tinh, tiêp xúc được. các bọng nước khô, lênh da non. Tim đều, T1, T2 rõ. Lồng ngực di động theo nhịp thở. Phổi thông khí đều 2 bên, không rale. Hết ợ hơi, ợ chua. Bụng mềm, không chướng. Phản ứng thành bụng (-) Cảm ứng phúc mạc (-) . Đại tiện bình thường . đỡ đau đầu, đỡ đau vùng mặt bên Phái. Hội chứng màng não (-), Không liệt thần kinh khu trú . Còn đau nhẹ mắt phải. Đau nhẹ cột sống thắt lưng.

### 5. Hướng điều trị và các chế độ tiếp theo :

Ra viện

Hồ sơ, phim ảnh		Người giao hồ sơ :	Ngày 11 tháng 11 năm 2025 Bác sĩ điều trị
Loại	Số tờ	Họ tên: Nguyễn Thị Thùy Dương	
- X quang			
- CT Scanner			
- Siêu âm			
- Xét nghiệm			
- Khác....			
- Tòan bộ hồ sơ		Họ tên : Trần Thị Thanh Hải	Họ tên : Nguyễn Thị Thùy Dương